

**SỞ Y TẾ HÀ TĨNH
BỆNH VIỆN ĐA KHOA
THỊ XÃ KỲ ANH**

Số: 321/BVĐKKA

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Kỳ Anh, ngày 06 tháng 6 năm 2019

BẢN CÔNG BỐ

**Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành
trong đào tạo khối ngành sức khỏe**

Kính gửi: Sở Y tế Hà Tĩnh

Tên cơ sở công bố: Bệnh viện đa khoa Thị xã Kỳ Anh
Số Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh 99/SYT-GPHĐ do Sở Y
tế Hà Tĩnh cấp ngày 19 tháng 3 năm 2014.

Địa chỉ: Tổ dân phố Hưng Hòa – phường Sông Trí – thị xã Kỳ Anh – tỉnh
Hà Tĩnh

Người chịu trách nhiệm chuyên môn:

Giám đốc: Phan Thị Xuân Liễu

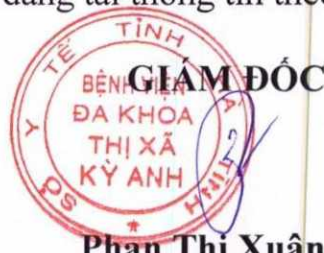
Điện thoại: 0983.865.262; email: lieugiamdoc@gmail.com

Căn cứ Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2017 của
Chính phủ quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức
khỏe, Bệnh viện đa khoa thị xã Kỳ Anh công bố đã đáp ứng yêu cầu để tổ chức
thực hành theo quy định với các nội dung sau đây:

1. Các ngành/chuyên ngành đào tạo thực hành: *(Danh mục mẫu kèm theo-
Phụ lục 1)*
2. Trình độ đào tạo thực hành: *(Danh mục mẫu kèm theo- Phụ lục 1)*
3. Số lượng người đào tạo thực hành tối đa (bao gồm tất cả các trình độ):
(Danh mục mẫu kèm theo- Phụ lục 1)
4. Danh sách người giảng dạy thực hành đáp ứng yêu cầu: *(Danh mục
mẫu kèm theo- Phụ lục 2).*
5. Danh sách các khoa phòng tổ chức thực hành và số giường bệnh hoặc
ghế răng tại mỗi khoa phòng: *(Danh mục mẫu kèm theo- Phụ lục 2)*
6. Danh mục cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo thực hành:
(Danh mục mẫu kèm theo- Phụ lục 3).

Cơ sở cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã
công bố.

Kính đề nghị Quý cơ quan xem xét, đăng tải thông tin theo quy định./.



Phan Thị Xuân Liễu

THE STATE OF TEXAS,
COUNTY OF DALLAS,
I, J. J. DAVENPORT,
Notary Public,
do hereby certify that
the within and foregoing
instrument, to-wit:
a certain deed, bearing
date the 1st day of
January, 1901, and
being the property of
J. J. DAVENPORT,
has been duly recorded
in the public records
of the County of Dallas,
State of Texas, in
Book No. 1, Page 1.



Witness my hand and seal this 1st day of January, 1901.

Phụ lục 1

THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐÀO TẠO THỰC HÀNH TẠI CƠ SỞ KHÁM BỆNH CHỮA BỆNH
(Tại 1 thời điểm)

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn học/học phần/ Tin chỉ	Nội dung	Tên khoa/ đơn vị thực hành	Số lượng người giảng dạy đạt yêu cầu ở khoa/đơn vị	Số lượng người học thực hành tối đa theo người giảng dạy	Số giường/ ghế răng tại khoa đạt yêu tối đa theo cầu TH	Số lượng người học thực hành ghế răng ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1		Cao đẳng	Điều dưỡng	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Nội khoa	Dạy học TH	Khoa Nội	07	105	50 GB (kế hoạch)	150	0	
2		Cao đẳng	Điều dưỡng	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Ngoại khoa	Dạy học TH	Khoa Ngoại	06	90	24 GB (kế hoạch)	72	0	
3		Cao đẳng	Điều dưỡng	Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và GD	Dạy học TH	Khoa Sản	03	45	30 GB (kế hoạch)	90	0	
4		Cao đẳng	Điều dưỡng	Chăm sóc sức khỏe trẻ em	Dạy học TH	Khoa HSCC	08	120	24 GB (kế hoạch)	72	0	
5		Cao đẳng	Điều dưỡng	Chăm sóc sức khỏe trẻ em	Dạy học TH	Khoa Nhi	06	90	24 GB (kế hoạch)	72	0	
6		Cao đẳng	Điều dưỡng	Chăm sóc SK người bệnh Truyền nhiễm	Dạy học TH	Khoa Truyền nhiễm	06	90	12 GB (kế hoạch)	36	0	
7		Cao đẳng	Điều dưỡng	Chăm sóc người bệnh chuyên khoa	Dạy học TH	Khoa 3CK	07	105	22 GB (kế hoạch)	66	0	

8		Cao đẳng	Điều dưỡng	Chăm sóc người bệnh chuyên khoa YHDT và PHCN	Dạy học TH	Khoa YHCT - PHCN	04	60	34 GB (kế hoạch)	102	0	
9		Cao đẳng	Hộ sinh	Điều dưỡng cơ sở	Dạy học TH	Khoa Nội	07	105	50 GB (kế hoạch)	150	0	
10		Cao đẳng	Hộ sinh	Điều dưỡng cơ sở	Dạy học TH	Khoa Ngoại	06	90	24 GB (kế hoạch)	72	0	
11		Cao đẳng	Hộ sinh	Chăm sóc bệnh nhân sản phụ khoa	Dạy học TH	Khoa Sản	03	45	30 GB (kế hoạch)	90	0	
12		Cao đẳng	Hộ sinh	Chăm sóc trẻ em	Dạy học TH	Khoa Nhi	06	90	30 GB (kế hoạch)	90	0	
13		Cao đẳng	Hộ sinh	Kiểm soát nhiễm khuẩn	Dạy học TH	Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn	01	15	0	0	0	
14		Cao đẳng	Hộ sinh	Thực tế tốt nghiệp	Dạy học TH	Cả BV	23	345	250 GB (kế hoạch)	750	0	
15		Cao đẳng	KTV xét nghiệm	Thực hiện các kỹ thuật xét nghiệm	Dạy học TH	Khoa xét nghiệm	02	30	0	0	0	
16		Cao đẳng	KTV Chẩn đoán HA	Kỹ thuật chiếu, chụp XQ	Dạy học TH	Khoa CDHA	03	45	0	0	0	
17		Cao đẳng	KTV xét nghiệm	Thực tế tốt nghiệp	Dạy học TH	Khoa xét nghiệm	02	30	0	0	0	
18		Cao đẳng	KTV Chẩn đoán HA	Thực tế tốt nghiệp	Dạy học TH	Khoa CDHA	03	45	0	0	0	
19		Trung cấp	Y sĩ	Thực hành Điều dưỡng	Dạy học TH	Khoa Nội	07	105	50 GB (kế hoạch)	150	0	

20	Trung cấp	Y sĩ	Thực hành Điều dưỡng	Dạy học TH	Khoa Ngoại	06	90	24 GB (kế hoạch)	72	0	
21	Trung cấp	Y sĩ	Bệnh học Ngoại khoa	Dạy học TH	Chấn thương	07	105		72	0	
22	Trung cấp	Y sĩ	Sức khỏe sinh sản	Dạy học TH	Khoa Sản	03	45	30 GB (kế hoạch)	90	0	
23	Trung cấp	Y sĩ	Sức khỏe trẻ em	Dạy học TH	Khoa Nhi	06	90	30 GB (kế hoạch)	90	0	
24	Trung cấp	Y sĩ	Bệnh học Truyền nhiễm	Dạy học TH	Khoa Truyền nhiễm	06	90	12 GB (kế hoạch)	36	0	
25	Trung cấp	Y sĩ	Thực tế tốt nghiệp	Dạy học TH	Cả BV	35	525	250 GB (kế hoạch)	750	0	

Ngày 06 tháng 06 năm 2019



Phan Thị Xuân Liễu



序號	姓名	年齡	性別	職業	籍貫	現居地址	電話	診察日期	診察時間	診察結果	處方
1	張三	45	男	工人	江蘇	上海	1234	1945.12.15	上午 9:00	感冒	感冒藥
2	李四	30	女	家庭主婦	浙江	杭州	5678	1945.12.15	下午 2:00	咳嗽	止咳藥
3	王五	60	男	退休	山東	濟南	9012	1945.12.15	上午 11:00	胃痛	胃痛藥
4	趙六	25	男	學生	湖北	武漢	3456	1945.12.15	下午 5:00	發燒	發燒藥
5	陳七	55	女	教師	廣東	廣州	7890	1945.12.15	上午 10:00	頭痛	頭痛藥
6	周八	35	男	商人	福建	廈門	2345	1945.12.15	下午 4:00	失眠	安眠藥
7	吳九	40	女	醫生	安徽	合肥	6789	1945.12.15	上午 8:00	牙痛	牙痛藥
8	孫十	20	男	農民	湖南	長沙	1011	1945.12.15	下午 3:00	腹痛	腹痛藥
9	錢十一	50	女	公務員	四川	成都	4567	1945.12.15	上午 7:00	心悸	心悸藥
10	鄭十二	38	男	工程師	江西	南昌	8901	1945.12.15	下午 1:00	腰痛	腰痛藥
11	張十三	42	女	記者	河南	開封	2109	1945.12.15	上午 6:00	便秘	通便藥
12	李十四	28	男	司機	陝西	西安	5432	1945.12.15	下午 6:00	哮喘	哮喘藥
13	王十五	65	女	退休	山西	太原	9876	1945.12.15	上午 12:00	眩暈	眩暈藥
14	趙十六	32	男	商人	雲南	昆明	3210	1945.12.15	下午 7:00	失眠	安眠藥
15	陳十七	48	女	教師	貴州	貴陽	6543	1945.12.15	上午 9:00	頭痛	頭痛藥
16	周十八	22	男	學生	廣西	桂林	1357	1945.12.15	下午 8:00	發燒	發燒藥
17	吳十九	58	女	公務員	海南	海口	4826	1945.12.15	上午 11:00	心悸	心悸藥
18	孫二十	37	男	工程師	四川	成都	8135	1945.12.15	下午 2:00	腰痛	腰痛藥
19	錢二十一	43	女	記者	河南	開封	2642	1945.12.15	上午 7:00	便秘	通便藥
20	鄭二十二	29	男	司機	陝西	西安	5981	1945.12.15	下午 5:00	哮喘	哮喘藥
21	張二十三	62	女	退休	山西	太原	9470	1945.12.15	上午 10:00	眩暈	眩暈藥
22	李二十四	34	男	商人	雲南	昆明	3719	1945.12.15	下午 4:00	失眠	安眠藥
23	王二十五	49	女	教師	貴州	貴陽	6208	1945.12.15	上午 8:00	頭痛	頭痛藥
24	趙二十六	23	男	學生	廣西	桂林	1657	1945.12.15	下午 9:00	發燒	發燒藥
25	陳二十七	59	女	公務員	海南	海口	4946	1945.12.15	上午 12:00	心悸	心悸藥
26	周二十八	36	男	工程師	四川	成都	8235	1945.12.15	下午 3:00	腰痛	腰痛藥
27	吳二十九	44	女	記者	河南	開封	2724	1945.12.15	上午 6:00	便秘	通便藥
28	孫三十	27	男	司機	陝西	西安	5613	1945.12.15	下午 6:00	哮喘	哮喘藥
29	錢三十一	63	女	退休	山西	太原	9502	1945.12.15	上午 9:00	眩暈	眩暈藥
30	鄭三十二	31	男	商人	雲南	昆明	3391	1945.12.15	下午 7:00	失眠	安眠藥
31	張三十三	51	女	教師	貴州	貴陽	6880	1945.12.15	上午 11:00	頭痛	頭痛藥
32	李三十四	24	男	學生	廣西	桂林	1769	1945.12.15	下午 8:00	發燒	發燒藥
33	王三十五	60	女	公務員	海南	海口	4658	1945.12.15	上午 10:00	心悸	心悸藥
34	趙三十六	33	男	工程師	四川	成都	8547	1945.12.15	下午 2:00	腰痛	腰痛藥
35	陳三十七	46	女	記者	河南	開封	2436	1945.12.15	上午 7:00	便秘	通便藥
36	周三十八	26	男	司機	陝西	西安	5325	1945.12.15	下午 5:00	哮喘	哮喘藥
37	吳三十九	61	女	退休	山西	太原	9214	1945.12.15	上午 8:00	眩暈	眩暈藥
38	孫四十	35	男	商人	雲南	昆明	3103	1945.12.15	下午 4:00	失眠	安眠藥
39	錢四十一	50	女	教師	貴州	貴陽	6092	1945.12.15	上午 9:00	頭痛	頭痛藥
40	鄭四十二	21	男	學生	廣西	桂林	1981	1945.12.15	下午 9:00	發燒	發燒藥
41	張四十三	64	女	公務員	海南	海口	4870	1945.12.15	上午 11:00	心悸	心悸藥
42	李四十四	32	男	工程師	四川	成都	8759	1945.12.15	下午 3:00	腰痛	腰痛藥
43	王四十五	47	女	記者	河南	開封	2648	1945.12.15	上午 6:00	便秘	通便藥
44	趙四十六	28	男	司機	陝西	西安	5537	1945.12.15	下午 6:00	哮喘	哮喘藥
45	陳四十七	62	女	退休	山西	太原	9426	1945.12.15	上午 9:00	眩暈	眩暈藥
46	周四十八	34	男	商人	雲南	昆明	3315	1945.12.15	下午 7:00	失眠	安眠藥
47	吳四十九	49	女	教師	貴州	貴陽	6204	1945.12.15	上午 8:00	頭痛	頭痛藥
48	孫五十	23	男	學生	廣西	桂林	1693	1945.12.15	下午 8:00	發燒	發燒藥
49	錢五十一	59	女	公務員	海南	海口	4582	1945.12.15	上午 10:00	心悸	心悸藥
50	鄭五十二	36	男	工程師	四川	成都	8471	1945.12.15	下午 2:00	腰痛	腰痛藥
51	張五十三	45	女	記者	河南	開封	2360	1945.12.15	上午 7:00	便秘	通便藥
52	李五十四	27	男	司機	陝西	西安	5249	1945.12.15	下午 5:00	哮喘	哮喘藥
53	王五十五	63	女	退休	山西	太原	9138	1945.12.15	上午 8:00	眩暈	眩暈藥
54	趙五十六	31	男	商人	雲南	昆明	3027	1945.12.15	下午 4:00	失眠	安眠藥
55	陳五十七	51	女	教師	貴州	貴陽	5916	1945.12.15	上午 9:00	頭痛	頭痛藥
56	周五十八	24	男	學生	廣西	桂林	1805	1945.12.15	下午 9:00	發燒	發燒藥
57	吳五十九	60	女	公務員	海南	海口	4694	1945.12.15	上午 11:00	心悸	心悸藥
58	孫六十	33	男	工程師	四川	成都	8583	1945.12.15	下午 3:00	腰痛	腰痛藥
59	錢六十一	48	女	記者	河南	開封	2472	1945.12.15	上午 6:00	便秘	通便藥
60	鄭六十二	29	男	司機	陝西	西安	5361	1945.12.15	下午 6:00	哮喘	哮喘藥
61	張六十三	64	女	退休	山西	太原	9250	1945.12.15	上午 9:00	眩暈	眩暈藥
62	李六十四	35	男	商人	雲南	昆明	3139	1945.12.15	下午 7:00	失眠	安眠藥
63	王六十五	50	女	教師	貴州	貴陽	6028	1945.12.15	上午 8:00	頭痛	頭痛藥
64	趙六十六	22	男	學生	廣西	桂林	1917	1945.12.15	下午 8:00	發燒	發燒藥
65	陳六十七	61	女	公務員	海南	海口	4806	1945.12.15	上午 10:00	心悸	心悸藥
66	周六十八	37	男	工程師	四川	成都	8695	1945.12.15	下午 2:00	腰痛	腰痛藥
67	吳六十九	46	女	記者	河南	開封	2584	1945.12.15	上午 7:00	便秘	通便藥
68	孫七十	28	男	司機	陝西	西安	5473	1945.12.15	下午 5:00	哮喘	哮喘藥
69	錢七十一	62	女	退休	山西	太原	9362	1945.12.15	上午 8:00	眩暈	眩暈藥
70	鄭七十二	32	男	商人	雲南	昆明	3251	1945.12.15	下午 4:00	失眠	安眠藥
71	張七十三	52	女	教師	貴州	貴陽	6140	1945.12.15	上午 9:00	頭痛	頭痛藥
72	李七十四	25	男	學生	廣西	桂林	1829	1945.12.15	下午 9:00	發燒	發燒藥
73	王七十五	63	女	公務員	海南	海口	4718	1945.12.15	上午 11:00	心悸	心悸藥
74	趙七十六	34	男	工程師	四川	成都	8607	1945.12.15	下午 3:00	腰痛	腰痛藥
75	陳七十七	49	女	記者	河南	開封	2496	1945.12.15	上午 6:00	便秘	通便藥
76	周七十八	30	男	司機	陝西	西安	5385	1945.12.15	下午 6:00	哮喘	哮喘藥
77	吳七十九	65	女	退休	山西	太原	9274	1945.12.15	上午 9:00	眩暈	眩暈藥
78	孫八十	36	男	商人	雲南	昆明	3163	1945.12.15	下午 7:00	失眠	安眠藥
79	錢八十一	51	女	教師	貴州	貴陽	6052	1945.12.15	上午 8:00	頭痛	頭痛藥
80	鄭八十二	23	男	學生	廣西	桂林	1941	1945.12.15	下午 8:00	發燒	發燒藥
81	張八十三	64	女	公務員	海南	海口	4830	1945.12.15	上午 10:00	心悸	心悸藥
82	李八十四	35	男	工程師	四川	成都	8719	1945.12.15	下午 2:00	腰痛	腰痛藥
83	王八十五	47	女	記者	河南	開封	2608	1945.12.15	上午 7:00	便秘	通便藥
84	趙八十六	29	男	司機	陝西	西安	5497	1945.12.15	下午 5:00	哮喘	哮喘藥
85	陳八十七	63	女	退休	山西	太原	9386	1945.12.15	上午 8:00	眩暈	眩暈藥
86	周八十八	33	男	商人	雲南	昆明	3275	1945.12.15	下午 4:00	失眠	安眠藥
87	吳八十九	50	女	教師	貴州	貴陽	6164	1945.12.15	上午 9:00	頭痛	頭痛藥
88	孫九十	24	男	學生	廣西	桂林	1853	1945.12.15	下午 9:00	發燒	發燒藥
89	錢九十一	61	女	公務員	海南	海口	4742	1945.12.15	上午 11:00	心悸	心悸藥
90	鄭九十二	38	男	工程師	四川	成都	8631	1945.12.15	下午 3:00	腰痛	腰痛藥
91	張九十三	48	女	記者	河南	開封	2520	1945.12.15	上午 6:00	便秘	通便藥
92	李九十四	27	男	司機	陝西	西安	5409	1945.12.15	下午 6:00	哮喘	哮喘藥
93	王九十五	62	女	退休	山西	太原	9298	1945.12.15	上午 9:00	眩暈	眩暈藥
94	趙九十六	31	男	商人	雲南	昆明	3187	1945.12.15	下午 7:00	失眠	安眠藥
95	陳九十七	52	女	教師	貴州	貴陽	6076	1945.12.15	上午 8:00	頭痛	頭痛藥
96	周九十八	26	男	學生	廣西	桂林	1965	1945.12.15	下午 8:00	發燒	發燒藥
97	吳九十九	60	女	公務員	海南	海口	4854	1945.12.15	上午 10:00	心悸	心悸藥
98	孫一百	37	男	工程師	四川	成都	8743	1945.12.15	下午 2:00	腰痛	腰痛藥
99	錢一百一	46	女	記者	河南	開封	2632	1945.12.15	上午 7:00	便秘	通便藥
100	鄭一百二	30	男	司機	陝西	西安	5521	1945.12.15	下午 5:00	哮喘	哮喘藥

Phụ lục 2

**DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH TẠI KHOA/ĐƠN VỊ,
SỐ LƯỢNG GIỜ BỆNH ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH**

(Mỗi bản tại Phụ lục này được trình bày theo từng trình độ/ngành/môn học, học phần: ví dụ: Đại học/Y khoa/Nội; Đại học/Y khoa/Ngoại; ...)

(Chi tiết theo danh sách từng người giảng dạy để minh chứng cho số lượng tại cột số 8 ở Phụ lục 1)

STT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường /ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Phạm Thị Quỳnh Nga	Điều dưỡng CĐ	Điều dưỡng CĐ	0001715/HT-CCHN ngày 31/12/2013	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng	25	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Nội khoa	Dạy học TH	Khoa Nội	50
2	Lê Thị Nhung	Điều dưỡng CĐ	Điều dưỡng CĐ	0001452/HT-CCHN ngày 24/12/2013	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng	10	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Nội khoa	Dạy học TH	Khoa Nội	50
3	Phan Thị Kim Thu	Điều dưỡng CĐ	Điều dưỡng CĐ	0001495/HT-CCHN ngày 24/12/2013	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng	13	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Nội khoa	Dạy học TH	Khoa Nội	50
4	Lê Thị Hương	Điều dưỡng ĐH	Điều dưỡng ĐH	0001494/HT-CCHN ngày 24/12/2013	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng	10	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Nội khoa	Dạy học TH	Khoa Nội	50
5	Lê Thị Mỹ Hạnh	Điều dưỡng CĐ	Điều dưỡng CĐ	0001482/HT-CCHN ngày 24/12/2013	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng	10	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Nội khoa	Dạy học TH	Khoa Nội	50
6	Nguyễn Thị Hà Phương	Điều dưỡng CĐ	Điều dưỡng CĐ	0000788/HT-CCHN ngày	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng	13	Chăm sóc sức khỏe người lớn	Dạy học TH	Khoa Nội	50

			CD	23/10/2013	đường		bệnh Nội khoa		
7	Sư Thị Anh	Điều dưỡng CD	Điều dưỡng CD	0001506/HT-CCHN ngày 24/12/2013	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng	10	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Nội khoa	Day học TH	Khoa Nội 50
8	Phạm Thị Tú Anh	Hộ sinh Cao đẳng	Hộ sinh Cao đẳng	0004820/HT-CCHN ngày 20/4/2017	Thực hiện nhiệm vụ Hộ sinh	02	Chăm sóc sức khỏe bà mẹ, phụ nữ và GD	Day học thực hành	Khoa Sản 30
9	Bùi Thị Thanh Dung	Hộ sinh Cao đẳng	Hộ sinh Cao đẳng	0002727/HT-CCHN ngày 17/10/2015	Thực hiện nhiệm vụ Hộ sinh	04	Chăm sóc sức khỏe bà mẹ, phụ nữ và GD	Day học thực hành	Khoa Sản 30
10	Nguyễn Thị Thu Hà	Hộ sinh Cao đẳng	Hộ sinh Cao đẳng	0002726/HT-CCHN ngày 20/3/2015	Thực hiện nhiệm vụ Hộ sinh	04	Chăm sóc sức khỏe bà mẹ, phụ nữ và GD	Day học thực hành	Khoa Sản 30
11	Lê Thị Hồng Trinh	Cử nhân điều dưỡng	Cử nhân điều dưỡng	0000606/HT-CCHN ngày 27/11/2013	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng	06	Chăm sóc sức khỏe người bệnh nặng HSCC	Day học thực hành	Khoa HSCC 24
12	Ngô Thị Thoan	Điều dưỡng CD	Điều dưỡng CD	0002065/HT-CCHN ngày 24/11/2014	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng	23	Chăm sóc sức khỏe người bệnh nặng HSCC	Day học thực hành	Khoa HSCC 24
13	Bùi Thị Mai Lê	Điều dưỡng CD	Điều dưỡng CD	0001419/HT-CCHN ngày 24/12/2013	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng	13	Chăm sóc sức khỏe người bệnh nặng HSCC	Day học thực hành	Khoa HSCC 24
14	Võ Thị Hương	Điều dưỡng CD	Điều dưỡng CD	0001420/HT-CCHN ngày 24/12/2013	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng	12	Chăm sóc sức khỏe người bệnh nặng HSCC	Day học thực hành	Khoa HSCC 24
15	Dương Thị Liên	Điều dưỡng CD	Điều dưỡng	0001421/HT-CCHN ngày	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng	15	Chăm sóc sức khỏe người bệnh	Day học thực	Khoa HSCC 24

			Điều dưỡng CĐ	Điều dưỡng CĐ	24/12/2013	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng	13	Chăm sóc sức khỏe người bệnh nặng HSCC	Dạy học thực hành	Khoa HSCC	24
16	Trần Thị Mỹ Huệ	Điều dưỡng CĐ	Điều dưỡng CĐ	Điều dưỡng CĐ	0001496/HT-CCHN ngày 24/12/2013	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng	13	Chăm sóc sức khỏe người bệnh nặng HSCC	Dạy học thực hành	Khoa HSCC	24
17	Lê Đức Hải	Điều dưỡng CĐ	Điều dưỡng CĐ	Điều dưỡng CĐ	0001423/HT-CCHN ngày 24/12/2013	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng	17	Chăm sóc sức khỏe người bệnh nặng HSCC	Dạy học thực hành	Khoa HSCC	24
18	Lê Thị Mai	Điều dưỡng CĐ	Điều dưỡng CĐ	Điều dưỡng CĐ	0001480/HT-CCHN ngày 24/12/2013	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng	13	Chăm sóc sức khỏe người bệnh nặng HSCC	Dạy học thực hành	Khoa HSCC	24
19	Nguyễn Thị Phước	Điều dưỡng CĐ	Điều dưỡng CĐ	Điều dưỡng CĐ	0001450/HT-CCHN ngày 24/12/2013	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng	17	Chăm sóc sức khỏe người bệnh nặng HSCC	Dạy học thực hành	Khoa HSCC	24
20	Nguyễn Thị Hà Nam	Điều dưỡng ĐH	Điều dưỡng ĐH	Điều dưỡng ĐH	0001428/HT-CCHN ngày 24/12/2013	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng	17	Chăm sóc sức khỏe người bệnh Truyền nhiễm	Dạy học thực hành	Khoa Truyền nhiễm	12
21	Hoàng Thị Anh Thế	Điều dưỡng CĐ	Điều dưỡng CĐ	Điều dưỡng CĐ	0001440/HT-CCHN ngày 24/12/2013	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng	12	Chăm sóc sức khỏe người bệnh Truyền nhiễm	Dạy học thực hành	Khoa Truyền nhiễm	12
22	Tô Thị Tuyết Nhung	Điều dưỡng CĐ	Điều dưỡng CĐ	Điều dưỡng CĐ	0001430/HT-CCHN ngày 24/12/2013	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng	20	Chăm sóc sức khỏe người bệnh Truyền nhiễm	Dạy học thực hành	Khoa Truyền nhiễm	12
23	Võ Thị Thu Hiền	Điều dưỡng CĐ	Điều dưỡng CĐ	Điều dưỡng CĐ	0001445/HT-CCHN ngày 24/12/2013	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng	17	Chăm sóc sức khỏe người bệnh Truyền nhiễm	Dạy học thực hành	Khoa Truyền nhiễm	12
24	Trần Thu Cúc	Điều dưỡng ĐH	Điều dưỡng ĐH	Điều dưỡng ĐH	0004686/HT-CCHN ngày	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng	03	Chăm sóc sức khỏe người bệnh	Dạy học thực hành	Khoa Truyền	12

			DH	30/12/2016	đường		Truyền nhiễm	hành	nhiệm	
25	Hà Thảo Trang	Điều dưỡng DH	Điều dưỡng DH	005092/HT-CCHN ngày 20/11/2017	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng	02	Chăm sóc sức khỏe người bệnh Truyền nhiễm	Đã học thực hành	Khoa Truyền nhiễm	12
26	Hà Thị Minh Hiếu	Điều dưỡng CD	Điều dưỡng CD	0001710/HT-CCHN ngày 31/12/2013	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng	19	Chăm sóc sức khỏe người bệnh Chuyên khoa	Đã học thực hành	Khoa 3 chuyên khoa	22
27	Phạm Thị Oanh	Điều dưỡng CD	Điều dưỡng CD	0001418/HT-CCHN ngày 24/12/2013	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng	15	Chăm sóc sức khỏe người bệnh Chuyên khoa	Đã học thực hành	Khoa 3 chuyên khoa	22
28	Nguyễn Thị Liên	Điều dưỡng CD	Điều dưỡng 35CD	0001422/HT-CCHN ngày 24/12/2013	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng	13	Chăm sóc sức khỏe người bệnh Chuyên khoa	Đã học thực hành	Khoa 3 chuyên khoa	22
29	Lê Thị Thanh Huyền	Điều dưỡng CD	Điều dưỡng CD	0001516/HT-CCHN ngày 24/12/2013	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng	08	Chăm sóc sức khỏe người bệnh Chuyên khoa	Đã học thực hành	Khoa 3 chuyên khoa	22
30	Hoàng Thị Hồng Trang	Điều dưỡng CD	Điều dưỡng CD	0002933HT-CCHN ngày 07/10/2015	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng	05	Chăm sóc sức khỏe người bệnh Chuyên khoa	Đã học thực hành	Khoa 3 chuyên khoa	22
31	Nguyễn Thị Thu Loan	Điều dưỡng CD	Điều dưỡng CD	0004536/HT-CCHN ngày 19/5/2016	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng	03	Chăm sóc sức khỏe người bệnh Chuyên khoa	Đã học thực hành	Khoa 3 chuyên khoa	22
32	Nguyễn Thị Dung	Điều dưỡng CD	Điều dưỡng CD	0005089/HT-CCHN ngày 20/11/2017	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng	02	Chăm sóc sức khỏe người bệnh Chuyên khoa	Đã học thực hành	Khoa 3 chuyên khoa	22
33	Trần Hồng Thái	KTV Đại học	Chẩn	0002818/HT-	KTV CDHA	06	Kỹ thuật chiếu,	Đã học	Khoa	0

			đoán hình ảnh	CCHN ngày	ĐH		chụp XQ	thực hành	CDHA	
34	Trần Anh Dũng	KTV Đại học	Chẩn đoán hình ảnh	0002817/HT- CCHN ngày 02/7/2015	KTV CDHA ĐH	06	Kỹ thuật chiếu, chụp XQ	Dạy học thực hành	Khoa CDHA	0
35	Nguyễn Tiến Quỳnh	KTV Đại học	Chẩn đoán hình ảnh	0002890/HT- CCHN ngày 06/9/2015	KTV CDHA ĐH	05	Kỹ thuật chiếu, chụp XQ	Dạy học thực hành	Khoa CDHA	0
36	Nguyễn Văn Ngọc	Y sỹ	YHCT	0001233/HT- CCHN ngày 24/12/2013	Thực hiện kỹ thuật chăm cứu, xoa bóp, bấm huyệt	07	Chăm sóc người bệnh chuyên khoa YHCT và PHCN	Dạy học TH	Khoa YHCT	34
37	Nguyễn Thị Minh Cẩm	Y sỹ	YHCT	004287/HT- CCHN ngày 24/4/2014	Thực hiện nhiệm vụ Y sỹ YHCT	10	Chăm sóc người bệnh chuyên khoa YHCT	Dạy học TH	Khoa YHCT	34
38	Tô Văn Tường	Y sỹ	YHCT	000037/HT- CCHN ngày 28/5/2012	Được khám, chữa bệnh theo YHCT	12	Chăm sóc người bệnh chuyên khoa YHCT và PHCN	Dạy học TH	Khoa YHCT	34
39	Lê Anh Tuấn	Y sỹ	YHCT	0002783/HT- CCHN ngày 02/6/2015	Thực hiện kỹ thuật chăm cứu, xoa bóp, bấm huyệt	21	Chăm sóc người bệnh chuyên khoa YHCT	Dạy học TH	Khoa YHCT	34
40	Trần Thị Minh Diệp	KTV xét nghiệm ĐH	KTV xét nghiệm ĐH	0001491/HT- CCHN ngày 24/12/2013	Thực hiện nhiệm vụ KTV xét nghiệm ĐH	10	Thực hiện các kỹ thuật xét nghiệm ĐH	Dạy học TH	Khoa Xét nghiệm	0

41	Bùi Thị Minh Thư	KTV xét nghiệm CD	KTV xét nghiệm CD	0001485/HT-CCHN ngày 24/12/2013	Thực hiện nhiệm vụ KTV xét nghiệm	07	Thực hiện các kỹ thuật xét nghiệm TC	Dạy học TH	Khoa Xét nghiệm	0
42	Nguyễn Thị Mỹ Thuận	Điều dưỡng CD	Điều dưỡng CD	0001458/HT-CCHN ngày 24/12/2013	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng	24	Chăm sóc sức khỏe người bệnh Ngoại khoa	Dạy học thực hành	Khoa Ngoại	24
43	Nguyễn Thái Sơn	Điều dưỡng DH	Điều dưỡng DH	0001453/HT-CCHN ngày 24/12/2013	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng DH	13	Kiểm soát nhiễm khuẩn	Dạy học thực hành	Khoa Ngoại	24
44	Nguyễn Thị Liên	Điều dưỡng CD	Điều dưỡng CD	0001441/HT-CCHN ngày 24/12/2013	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng	13	Chăm sóc sức khỏe người bệnh Ngoại khoa	Dạy học thực hành	Khoa Ngoại	24
45	Trương Thị Anh Thor	Điều dưỡng CD	Điều dưỡng CD	0001456/HT-CCHN ngày 24/12/2013	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng	13	Chăm sóc sức khỏe người bệnh Ngoại khoa	Dạy học thực hành	Khoa Ngoại	24
46	Nguyễn Thị Thanh Hương	Điều dưỡng CD	Điều dưỡng CD	0001580/HT-CCHN ngày 24/12/2013	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng	15	Chăm sóc sức khỏe người bệnh Ngoại khoa	Dạy học thực hành	Khoa Ngoại	24
47	Nguyễn Thị Vân Khánh	Điều dưỡng CD	Điều dưỡng CD	0004771/HT-CCHN ngày 21/02/2017	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng	02	Chăm sóc sức khỏe người bệnh Ngoại khoa	Dạy học thực hành	Khoa Ngoại	24
48	Nguyễn Thị Thu Hòa	Điều dưỡng CD	Điều dưỡng CD	0001451/HT-CCHN ngày 24/12/2013	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng	33	Chăm sóc sức khỏe người bệnh Ngoại khoa	Dạy học thực hành	Khoa Ngoại	24
49	Nguyễn Thị Hồng Vân	Điều dưỡng CD	Điều dưỡng	0001439/HT-CCHN ngày	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng	15	Chăm sóc sức khỏe người bệnh	Dạy học thực	Khoa Ngoại	24

			59CD	24/12/2013	đường		Nhi khoa	hành		
59	Lê Phương Thảo	Điều dưỡng CD	Điều dưỡng CD	0004187/HT-CCHN ngày 25/3/2016	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng	3	Chăm sóc sức khỏe người bệnh Nhi khoa	Đã học thực hành	Khoa Nhi	24
60	Nguyễn Thị Minh	Điều dưỡng CD	Điều dưỡng CD	0002934/HT-CCHN ngày 10/7/2015	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng	4	Chăm sóc sức khỏe người bệnh Nhi khoa	Đã học thực hành	Khoa Nhi	24
61	Lê Hồng Thắng	BSCKI	BSCKI Ngoại	0001470/HT-CCHN ngày 24/12/2013	Khám chữa bệnh đa khoa, CK Ngoại	27	Bệnh học ngoại khoa	Đã học TH	Khoa Ngoại	24
62	Võ Minh Tuấn	BSCKI	BSCKI Ngoại	0001474/HT-CCHN ngày 24/12/2013	Khám chữa bệnh đa khoa, CK Ngoại	17	Bệnh học ngoại khoa	Đã học TH	Khoa Ngoại	24
63	Lê Văn Huy	BSCKI	BSCKI Ngoại	0001472/HT-CCHN ngày 24/12/2013	Khám chữa bệnh đa khoa, CK Ngoại	19	Bệnh học ngoại khoa	Đã học TH	Khoa Ngoại	24
64	Nguyễn Tiến Phúc	Bác sỹ	BSCKI Ngoại	000355/HT-CCHN ngày 28/01/2013	Khám chữa bệnh đa khoa, CK Ngoại	37	Bệnh học ngoại khoa	Đã học TH	Khoa Ngoại	24
65	Lê Anh Phương	Bác sỹ	Bác sỹ đa khoa	0004806/HT-CCHN ngày 20/3/2017	Khám chữa bệnh đa khoa	06	Bệnh học ngoại khoa	Đã học TH	Khoa Ngoại	24
66	Lê Văn Thành	Bs CKI	BSCKI Sản	000404/HT-CCHN ngày 04/4/2013	Khám chữa bệnh đa khoa, SÃ Sản khoa	22	Sức khỏe sinh sản	Đã học thực hành	Khoa Sản	30
67	Bùi Anh Quốc	Bs CKI	BSCKI Sản	0001471/HT-CCHN ngày	Khám chữa bệnh đa khoa,	08	Sức khỏe sinh sản	Đã học thực	Khoa Sản	30

				24/12/2013	Sổ Sản khoa		Bệnh học Nội khoa	hành		
68	Nguyễn Chơn	BSCKI	BSCKI HSCC	003745/HT- CCHN ngày 25/9/2014	Khám chữa bệnh đa khoa	15	Bệnh học Nội khoa	Dạy học TH	Khoa HSCC	24
69	Lê Thị Nguyệt Linh	BSCKI	BSCKI Nội	0002398/HT- CCHN ngày 11/4/2014	Khám chữa bệnh đa khoa	24	Bệnh học Nội khoa	Dạy học TH	Khoa Nội	50
70	Nguyễn Thị Diên	Bác sỹ	Đa khoa	0005213/HT- CCHN ngày 01/01/2018	Khám chữa bệnh đa khoa	01	Bệnh học Nội khoa	Dạy học TH	Khoa Nội	50
71	Nguyễn Quốc Tuấn	BSCKI	BSCKI Nhi	09/HT-CCHN ngày 11/01/2012	Khám chữa bệnh đa khoa, CK Nhi	24	Sức khỏe trẻ em	Dạy học TH	Khoa Nhi	24
72	Nguyễn Hoài Nam	BSCKI	BSCKI Nhi	08/HT-CCHN ngày 11/01/2012	Khám chữa bệnh đa khoa, CK Nhi	32	Sức khỏe trẻ em	Dạy học TH	Khoa Nhi	24
73	Nguyễn Văn Linh	Bác sỹ	Bs đa khoa	005025/HT- CCHN ngày 31/8/2017	Khám chữa bệnh đa khoa	02	Bệnh học truyền nhiễm	Dạy học TH	Khoa Truyền Nhiễm	12
74	Nguyễn Thị Linh	Bác sỹ	Định hướng Răng Hàm Mặt	0001499/HT- CCHN ngày 24/12/2013	Khám chữa bệnh chuyên khoa RHM	30	Bệnh học Răng Hàm Mặt	Dạy học TH	Khoa 3 CK	22
75	Nguyễn Văn Đào	Bác sỹ	Định hướng TMH	0001493/HT- CCHN ngày 24/12/2013	Khám chữa bệnh đa khoa, chuyên khoa TMH	08	Bệnh học Tai Mũi Họng	Dạy học TH	Khoa 3 CK	22

76	Phạm Xuân Chung	Bác sỹ	Định hướng Mắt	0004781/HT-CCHN ngày 27/3/2017	Khám chữa bệnh đa khoa, chuyên khoa Mắt	02	Bệnh học Mắt	Dạy học TH	Khoa 3 CK	22
77	Phan Thị Xuân Liễu	Bs CKII	Quản lý y tế	0001708/HT-CCHN ngày 31/12/2013	Khám chữa bệnh đa khoa, CK TMH	27	Thực tế tốt nghiệp	Dạy học TH	BGD	0
78	Thái Phong Vũ	Thạc sỹ	Thạc sỹ Nhi khoa	000409/HT-CCHN ngày 04/4/2013	Khám chữa bệnh chuyên khoa Nhi	29	Thực tế tốt nghiệp	Dạy học TH	BGD	0
79	Lê Thanh Bình	BSCKI	BSCKI Ngoại	0001459/HT-CCHN ngày 24/12/2013	Khám chữa bệnh đa khoa, CK Ngoại	32	Thực tế tốt nghiệp	Dạy học TH	BGD	0
80	Nguyễn Thị Kim Oanh	BSCKI	BSCKI Nhi	0001497/HT-CCHN ngày 24/12/2013	Khám chữa bệnh đa khoa, CK Nhi	11	Thực tế tốt nghiệp	Dạy học TH	Phòng KHTH	0
81	Đặng Diên	BSCKI	BSCKI GMHS	0001427/HT-CCHN ngày 24/12/2013	Khám chữa bệnh đa khoa, CK Nội	25	Thực tế tốt nghiệp	Dạy học TH	Khoa HSCT	24
82	Ngô Như Sơn	BSCKI	BSCKI GMHS	0001426/HT-CCHN ngày 24/12/2013	Khám chữa bệnh đa khoa, CK Nội	15	Thực tế tốt nghiệp	Dạy học TH	Khoa Nội	50
83	Bùi Đức Long	Bác sỹ	Y học cổ truyền	0002784/HT-CCHN ngày 02/6/2015	Khám chữa bệnh y học cổ truyền - PHCN	07	Thực tế tốt nghiệp	Dạy học TH	Khoa YHCT	34

84	Thiều Quang Phúc	Bs CKI	Bs CKI	Bs CKI	0001478/HT-CCHN ngày 24/12/2013	Khám chữa bệnh đa khoa, SÁ tổng quát	19	Thực tế tốt nghiệp	Dạy học thực hành	Khoa Sản	30
85	Trần Thị Lệ Quyên	Bác sỹ	Bác sỹ	Bs đa khoa	0001429/HT-CCHN ngày 24/12/2013	Khám chữa bệnh đa khoa	24	Thực tế tốt nghiệp	Dạy học TH	Khoa Truyền Nhiễm	12
86	Võ Xuân Mừng	Bác sỹ	Bác sỹ	CK định hướng CDHA	0001492/HT-CCHN ngày 24/12/2013	Khám, chữa bệnh CK CDHA	31	Thực tế tốt nghiệp	Dạy học TH	Khoa CDHA	0
87	Hoàng Hà Trang	Bác sỹ	Bác sỹ	Răng Hàm Mặt	0004535/HT-CCHN ngày 09/8/2016	Khám chữa bệnh chuyên khoa RHM	3	Thực tế tốt nghiệp	Dạy học TH	Khoa 3 CK	22
88	Nguyễn Thanh Toan	Bs CKI	Bs CKI	Tai - Mũi - Họng	0001498/HT-CCHN ngày 24/12/2013	Khám chữa bệnh đa khoa, chuyên khoa TMH	05	Thực tế tốt nghiệp	Dạy học TH	Khoa 3 CK	22
89	Ngô Đức Cận	Bác sỹ	Bác sỹ	Định hướng Mắt	0004262/HT-CCHN ngày 07/3/2016	Khám chữa bệnh đa khoa, chuyên khoa Mắt	03	Thực tế tốt nghiệp	Dạy học TH	Khoa 3 CK	22
90	Nguyễn Như Phùng	KTV xét nghiệm ĐH	KTV xét nghiệm ĐH	KTV xét nghiệm ĐH	0002826/HT-CCHN ngày 02/7/2015	Thực hiện nhiệm vụ KTV xét nghiệm ĐH	04	Thực tế tốt nghiệp	Dạy học TH	Khoa Xét nghiệm	0

GIÁM ĐỐC

2

11/1/19

Date		Time		Location		Remarks	
11/1/19	10:00	11:00	12:00	13:00	14:00	15:00	16:00
11/1/19	17:00	18:00	19:00	20:00	21:00	22:00	23:00

Date		Time		Location		Remarks	
11/1/19	10:00	11:00	12:00	13:00	14:00	15:00	16:00
11/1/19	17:00	18:00	19:00	20:00	21:00	22:00	23:00

Date		Time		Location		Remarks	
11/1/19	10:00	11:00	12:00	13:00	14:00	15:00	16:00
11/1/19	17:00	18:00	19:00	20:00	21:00	22:00	23:00

Phụ lục 3

DANH MỤC CÁC TRANG THIẾT BỊ TẠI BỆNH VIỆN ĐA KHOA THỊ XÃ KỲ ANH
ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH

TT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	Bàn mổ đa năng điện - thủy lực	5	
2	Bàn mổ vạn năng	1	
3	Bình cách thủy	1	
4	Bộ nội soi tai mũi họng	2	
5	Bộ đo nhân áp MACLAKOV	1	
6	Bộ dụng cụ chích, chấp, lẹo	1	
7	Bộ dụng cụ mổ đục thủy tinh thể	1	
8	Bộ dụng cụ mổ sản khoa	2	
9	Bộ dụng cụ phẫu thuật cắt Amidan	1	
10	Bộ dụng cụ phẫu thuật nội soi mũi xoang	1	

11	Bộ dụng cụ phẫu thuật nội soi ổ bụng	1	
12	Bộ dụng cụ phẫu thuật nội soi sản khoa	1	
13	Bộ dụng cụ phẫu thuật tiết niệu	1	
14	Bộ dụng cụ phẫu thuật tiêu hóa	1	
15	Bộ dụng cụ phẫu thuật vách ngăn	1	
16	Bộ dụng cụ phẫu thuật xương	1	
17	Bộ khám điều trị Răng Hàm Mặt (ghế, lấy cao răng bằng siêu âm)	3	
18	Bộ phẫu thuật xương	1	
19	Bộ trám răng thẩm mỹ	1	
20	Bơm tiêm điện	17	
21	Bơm truyền dịch	11	
22	Dao mổ điện	5	
23	Đèn chiếu vàng da	1	
24	Đèn điều trị vàng da	1	

25	Đèn mờ 4 bóng	1	
26	Đèn mờ di động	3	
27	Đèn mờ treo trần	4	
28	Đèn mờ treo trần 2 chóa	2	
29	Đèn quang trùng hợp	1	
30	Đèn soi đáy mắt	1	
31	Dụng cụ đo cơ lưng	1	
32	Dụng cụ mờ quặm, mỏng mắt	1	
33	Ghế và dụng cụ khám Tai Mũi Họng	1	
34	Giường cấp cứu	15	
35	Hệ thống chụp cắt lớp vi tính 4 lát cắt	1	
36	Hệ thống đầu đọc Xquang kỹ thuật số	1	
37	Hệ thống Elisa	1	
38	Hệ thống giường kéo giãn cột sống cổ và lưng	1	

39	Hệ thống lọc nước tinh khiết	2	
40	Hệ thống nội soi dạ dày .đại tràng ống mềm video	1	
41	Hệ thống phẫu thuật nội soi tiêu hóa	1	
42	Hệ thống rửa quả lọc thận	1	
43	Hệ thống rửa tay phẫu thuật viên	4	
44	Hệ thống siêu âm màu 4D	3	
45	Hệ thống Xquang cao tần	1	
46	Kính hiển vi 2 mắt	1	
47	Kính hiển vi phẫu thuật mắt	1	
48	Kính hiển vi soi nổi	1	
49	Lồng ấp trẻ sơ sinh	1	
50	Lực kế đo cơ tay điện tử	1	
51	Máy bơm khí CO2 ổ bụng	1	
52	Máy chạy thận nhân tạo	7	

53	Máy chụp phim XQ	1	
54	Máy chụp phim XQ tăng sáng truyền hình	1	
55	Máy điện châm	51	
56	Máy điện não vi tính	1	
57	Máy điện tim 6 cần	2	
58	Máy điện tim 6 kênh	2	
59	Máy điện xung điều trị	1	
60	Máy định vị chóp răng	1	
61	Máy đo chức năng hô hấp	1	
62	Máy đo độ loãng xương	1	
63	Máy đo khúc xạ kế tự động	1	
64	Máy đo lưu huyết	1	
65	Máy gây mê kèm thở	5	
66	Máy giặt vạt công nghiệp >30kg	2	

67	Máy hút dịch	15	
68	Máy hút dịch chạy liên tục áp lực thấp	2	
69	Máy hút điện	7	
70	Máy hút khí màng phổi	1	
71	Máy hút phẫu thuật	4	
72	Máy khí dung	13	
73	Máy khí dung siêu âm	3	
74	Máy lắc ống lấy máu	2	
75	Máy li tâm máu	2	
76	Máy ngâm chân bằng thuốc	3	
77	Máy nội soi tai mũi họng	1	
78	Máy phân tích huyết học tự động $\geq 18\text{TS}$	5	
79	Máy phân tích khí máu	1	
80	Máy phân tích nước tiểu tự động $\geq 10\text{TS}$	6	

81	Máy sắc thuốc đóng túi	1	
82	Máy sắc thuốc đông y 16 ấm	2	
83	Máy sấy đồ vải >30kg	2	
84	Máy siêu âm đen trắng	1	
85	Máy siêu âm đen trắng 2 đầu dò	1	
86	Máy siêu âm điều trị	2	
87	Máy siêu âm màu 2D	1	
88	Máy siêu âm xách tay	1	
89	Máy sinh hiển vi khám mắt	1	
90	Máy sốc điện	2	
91	Máy sóng ngắn điều trị (thiết bị sóng ngắn)	1	
92	Máy tạo oxy di động	5	
93	Máy thở	4	
94	Máy trị liệu xoa bóp tuần hoàn khí	2	

95	Máy X - Quang răng toàn cảnh KTS	1	
96	Máy X - Quang treo tường	1	
97	Máy xét nghiệm điện giải, điện cực chọn lọc	1	
98	Máy xét nghiệm đông máu tự động	1	
99	Máy xét nghiệm sinh hóa máu tự động	3	
100	Máy xung điện điều trị	1	
101	Monitor phòng mổ 6 thông số	4	
102	Monitor sản khoa	3	
103	Monitor theo dõi bệnh nhân	14	
104	Nồi hấp ngang một cửa 300 lít	1	
105	Sinh hiển vi khám mắt	1	
106	Thiết bị laser trị liệu	1	
107	Thiết bị nấu parafin	1	
108	Tủ âm	1	

109	Tủ an toàn sinh học	2	
110	Tủ lạnh sâu	1	
111	Tủ lạnh trữ máu	3	
112	Tủ sấy dụng cụ	10	
113	Tủ sấy dược liệu	1	

Kỳ Anh, ngày 06 tháng 6 năm 2019

GIÁM ĐỐC



Phan Thị Xuân Liễu

